TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Đinh Tuấn Đạt.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990, nơi đăng ký thường trú: D, Tổ X, ấp P L X, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Số H Tr Q C, Phường K, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Bị đơn: Ông **Ngô Hoài A**, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Ngô Hoài A tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P S theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến cuối năm 2020 thì sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống chung, vợ chồng nhiều lần cãi vã, chửi bới và xúc phạm nhau và ông Hoài A đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Hoài A.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Ngô Chí B, sinh ngày 22/4/2016, Ngô Nguyễn Nhã T, sinh ngày 23/8/2017 và Ngô Chí Th,

sinh ngày 19/6/2019. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Th và đồng ý giao cháu B và cháu T cho ông Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Hoài A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ghi ngày 04/11/2021 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Ngô Hoài A trình bày:*

Ông và bà N tự nguyện đăng kết hôn với nhau và được UBND xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau. Những lần cãi nhau do nóng tính và trong lúc say xỉn nên ông có đánh bà N mấy lần nhưng không để lại thương tích gì nghiêm trọng. Từ tháng 10 năm 2018, bà N dọn về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện ông không còn tình cảm gì với bà N nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Ngô Chí B, sinh ngày 22/4/2016, Ngô Nguyễn Nhã T, sinh ngày 23/8/2017 và Ngô Chí Th, sinh ngày 19/6/2019. Từ tháng 10/2018, vợ chồng sống ly thân, ông trực tiếp nuôi cháu B và cháu T, còn bà N trực tiếp nuôi cháu Th. Hai bên không qua lại thăm nom, cấp dưỡng gì đến con chung. Nay ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 85, 89, 91, 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Ngô Hoài A; về con chung: Giao cháu Th cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu B và cháu T cho ông Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng; các đương sự không cấp dưỡng nuôi con do bên còn lại không yêu cầu; về

tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Ngô Hoài A cư trú tại ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoài A và giải quyết việc nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà N khởi kiện đối với ông Hoài A. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà N là nguyên đơn, ông Hoài A là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 11 tháng 6 năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà N yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Sau khi kết hôn, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau; nhất là những lúc ông Hoài A có uống rượu, bia say xỉn về nhà có đánh đập bà N. Từ tháng 10/2018, các đương sự sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông Hoài A cũng đồng ý ly hôn với bà N. Tuy nhiên, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 03 (ba) con chung là Ngô Chí B, sinh ngày 22/4/2016, Ngô Nguyễn Nhã T, sinh ngày 23/8/2017 và Ngô Chí Th, sinh ngày 19/6/2019. Từ tháng 10/2018, các đương sự sống ly thân thì cháu Th do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; còn cháu B và cháu T do ông Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng và các đương sự không quan lại, thăm nom chăm sóc đến con do bên kia nuôi dưỡng. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong cuộc sống, tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung nên cần tiếp giao cháu Th cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu B và cháu T cho ông Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở pháp luật. Các đương sự không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 85, 89, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Ngô Hoài A.

1.2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 03 (ba) con chung là Ngô Chí B, sinh ngày 22/4/2016, Ngô Nguyễn Nhã T, sinh ngày 23/8/2017 và Ngô Chí Th, sinh ngày 19/6/2019. Giao cháu Th cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu B và cháu T cho ông Hoài A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002772 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 48 ngày 11/6/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam